

LOGO

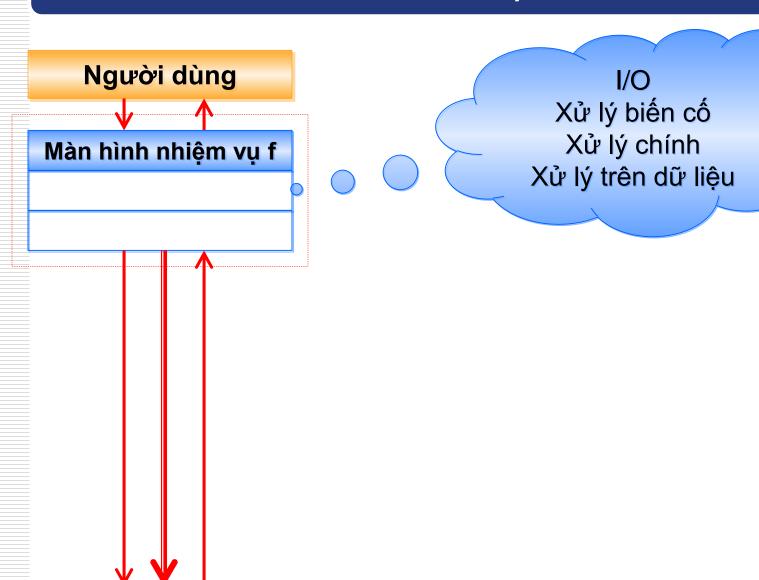


Nội dung

- ♦ Mở đầu
- Kiến trúc phần mềm
- Layer VS Tier
- Một số mô hình kiến trúc phần mềm



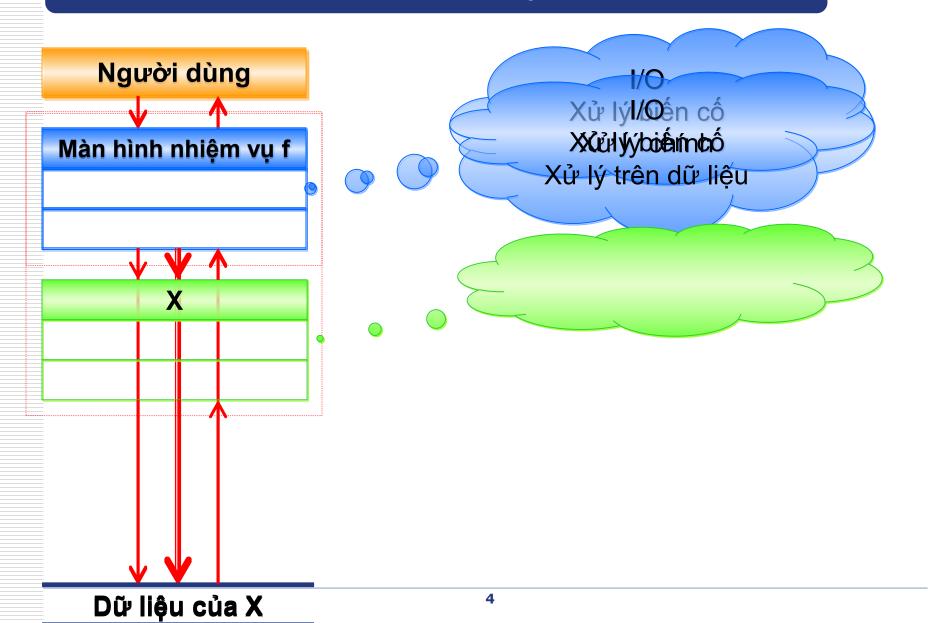
Kiến trúc 1 layer



Dữ liệu của X

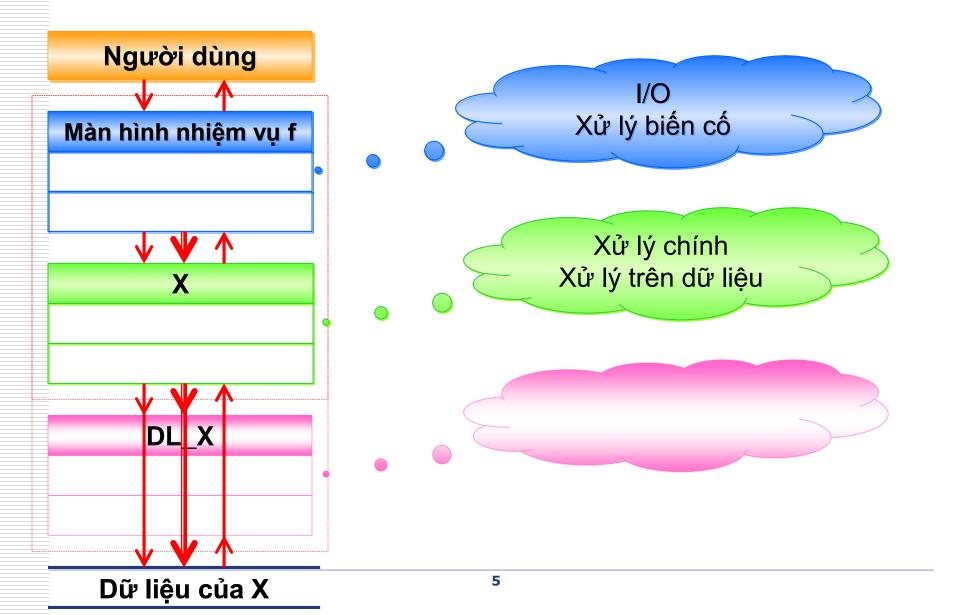


Kiến trúc 2 layer





Kiến trúc 3 layer



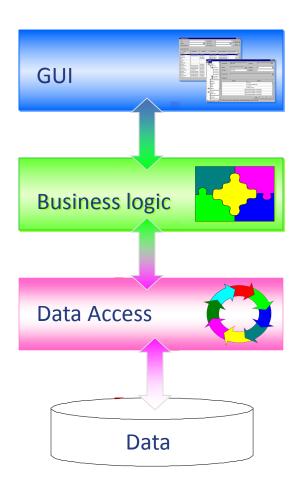


Vai trò của các layer

- GUI (Presentation) Layer: Nhập liệu và trình bày dữ liệu, có thể bao gồm các bước kiểm tra dữ liệu trước khi gọi Business Logic Layer.
- Business Logic Layer: Kiểm tra các yêu cầu nghiệp vụ trước khi cập nhật dữ liệu, quản lý các transaction, quản lý các concurrent access.
- Data Access Layer: Kết nối CSDL, tìm kiếm, thêm, xóa, sửa,...trên CSDL/XML



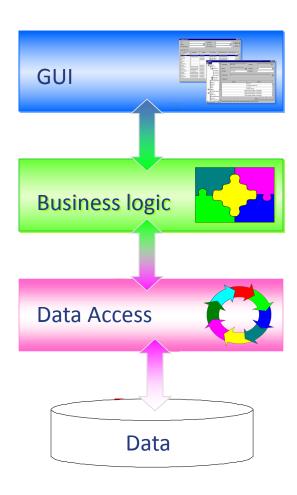
Việc trao đổi liên lạc giữa các layer



Các giá trị, dòng, bảng



Việc trao đổi liên lạc giữa các layer



- Data Transfer Object (DTO)
- Các giá trị, dòng, bảng

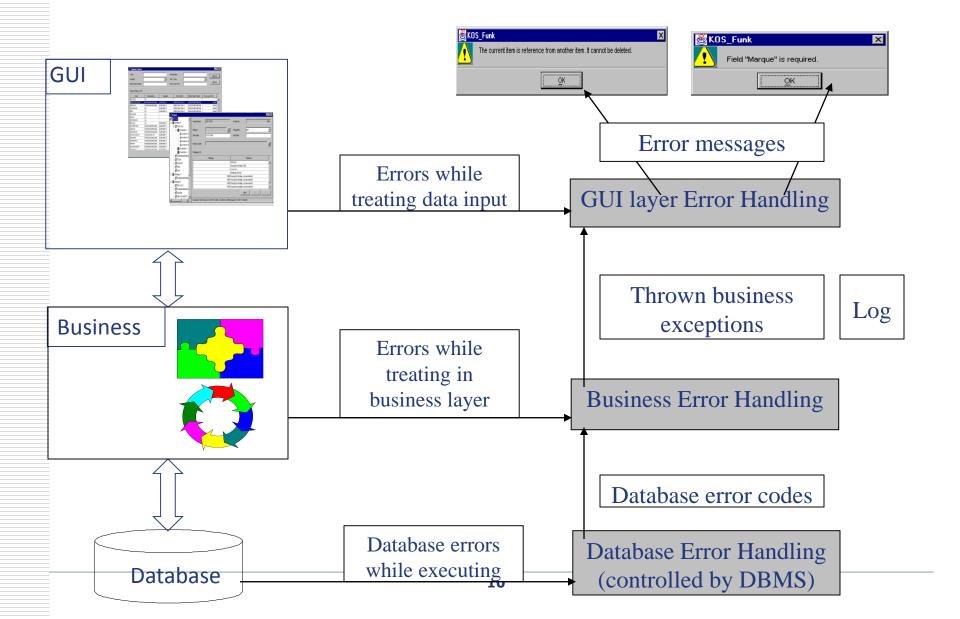


Tính chất của mô hình 3-layer

- Giảm sự kết dính giữa các thực thế phần mềm (decoupling)
- Tái sử dụng
- Chia sẻ trách nhiệm



Quản lý ngoại lệ



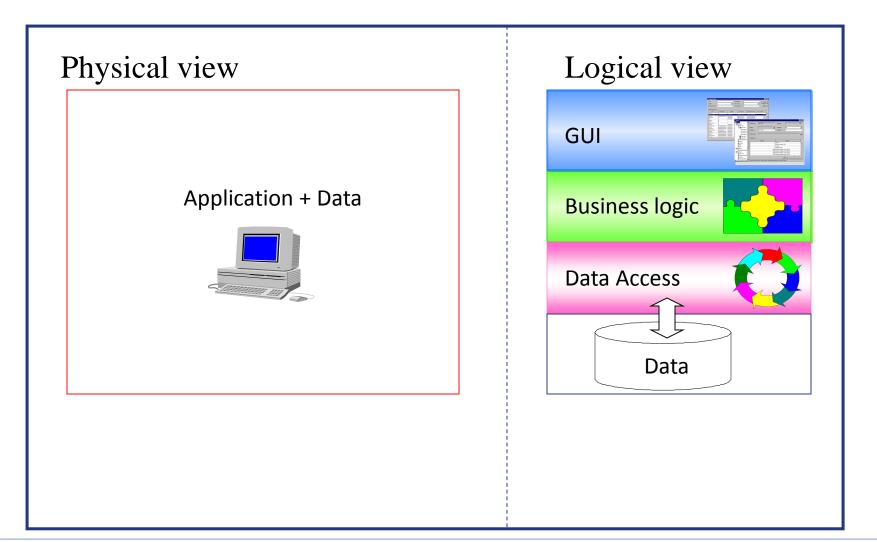


Quản lý ngoại lệ

- Ngoại lệ có thể xảy ra ở bất kỳ layer nào
- Khi ngoại lệ xảy ra ở một layer thì:
 - Xử lý nội bộ trong layer đó
 - "Quăng" ngoại lệ lên layer "cao hơn"
 - Không xử lý
- Khi một layer nhận ngoại lệ từ một layer "thấp hơn"
 - Xử lý nội bộ
 - "Quăng" ngoại lệ lên layer "cao hơn"
 - Không xử lý

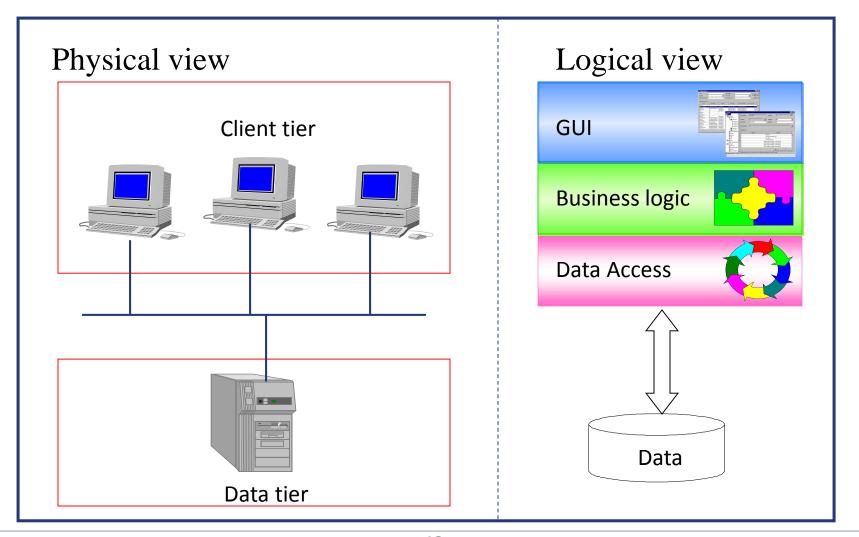


1-tier, 3-layer



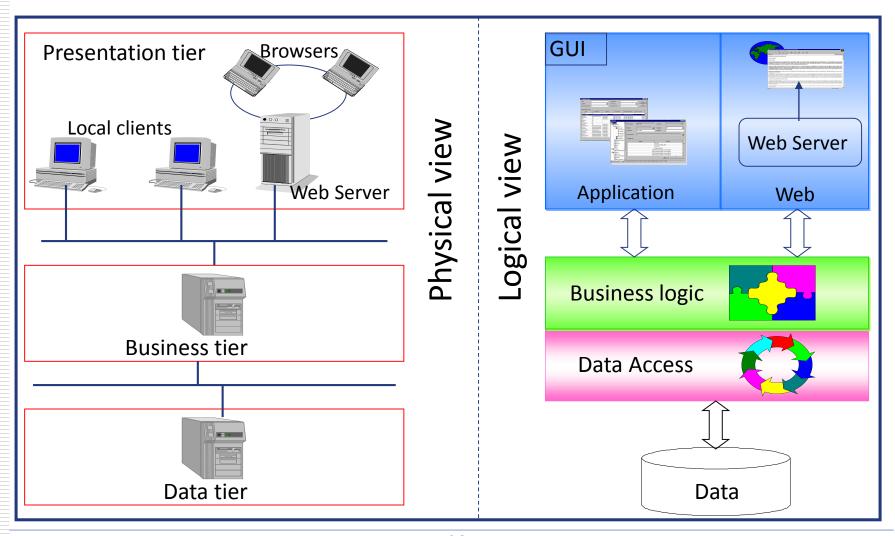


2-tier, 3-layer





3-tier, 3-layer



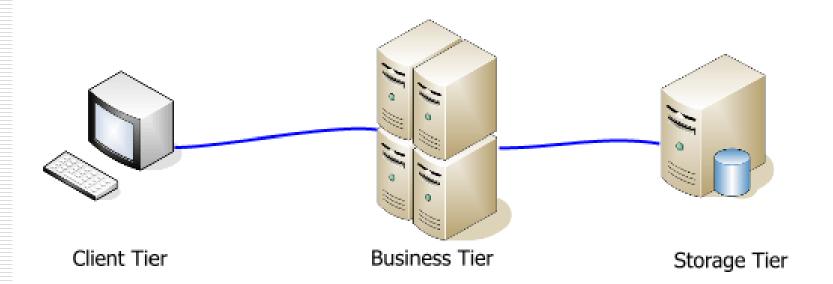


Các lưu ý quan trọng

- Phân biệt vai trò Business Layer và khái niệm "xử lý"
- Mỗi Layer vẫn có xử lý riêng, đặc trưng của Layer đó
- Đôi khi việc quyết định 1 xử lý nằm ở layer nào chỉ mang tính chất tương đối

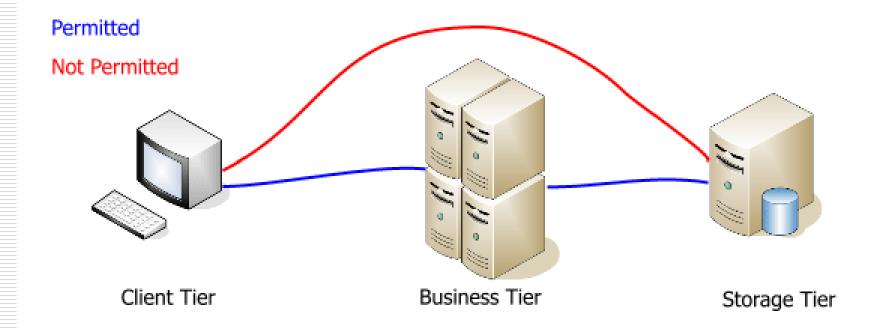


Physical tiers



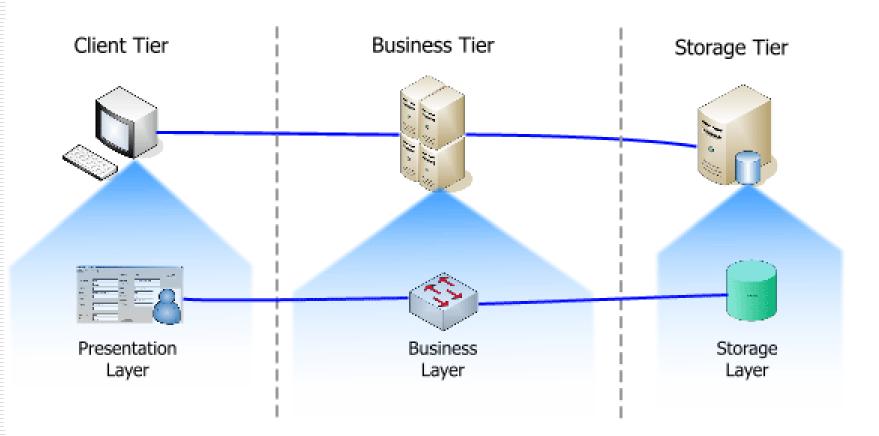


Physical tiers



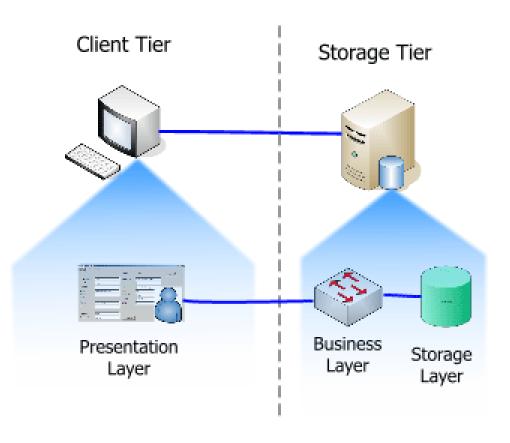


"Tiers of layers"



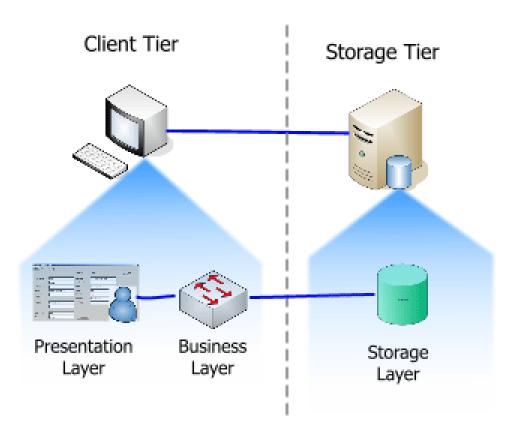


Business Layer đặt tại Storage Tier





Business Layer đặt tại Client Tier





Ví dụ về các thành phần tại mỗi Tier

